

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

A: 39
H: 01

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Viết thương mại (22435604)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A404

Số SV có mặt: 40

Số bài thi: 40

Số tờ giấy thi: 40

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122240171	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	07/11/2003	CCQ2224F	1		7,3	6,1	6,6	
2	2122240139	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	30/01/2004	CCQ2224E	1		8,1	4,6	6,0	
3	2122240166	Trần Quang Bình	30/04/2003	CCQ2224E	1		6,2	6,8	6,6	
4	2122240193	Dương Thị Bảo Chân	26/12/2004	CCQ2224F	1		9,0	6,6	7,6	
5	2122240004	Nguyễn Tấn Đạt	27/08/2000	CCQ2224A	1		9,9	9,0	9,4	
6	2122240066	Nguyễn Thị Thu Hà	20/12/2002	CCQ2024C			4,5			
7	2122240141	Nguyễn Thị Thu Hà	23/02/2004	CCQ2224E	1		9,0	6,2	7,3	
8	2122240164	Phạm Gia Kỳ Hương	27/06/2004	CCQ2224E	1		8,1	4,8	6,1	
9	2121240079	Trương Tân Khoa	14/09/2002	CCQ2124C	1		7,1	6,3	6,6	
10	2122240133	Lâm Trung Kiên	17/10/2004	CCQ2224E	1		6,4	4,0	5,0	
11	2122240165	Lê Diễm Kiều	04/10/2004	CCQ2224E	1		6,8	3,8	5,0	
12	2122240116	Phạm Quang Minh	29/10/2003	CCQ2224D	1		7,4	5,2	6,1	
13	2122240200	Huỳnh Thị Trúc My	25/10/2004	CCQ2224E	1		7,9	7,4	7,6	
14	2122240070	Nguyễn Vũ Hà My	13/05/2004	CCQ2224C	1		8,7	6,5	7,4	
15	2122240089	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	10/02/2004	CCQ2224C	1		9,5	7,3	8,2	
16	2122240140	Võ Thị Mỹ Ngọc	13/12/2004	CCQ2224E	1		7,3	3,9	5,3	
17	2122240079	Hồ Thị Mỹ Nhân	09/09/2004	CCQ2224C	1		8,2	6,7	7,3	
18	2122240192	Nguyễn Thị Mỹ Nương	11/03/2004	CCQ2224F	1		9,3	7,6	8,3	
19	2122240131	Nguyễn Hồng Oanh	17/07/1997	CCQ2224E	1		5,9	5,7	5,8	
20	2122240194	Phạm Kim Phương	19/09/2004	CCQ2224F			0,0			
21	2122240167	Nguyễn Lâm Như Quỳnh	26/09/2004	CCQ2224E	1		8,7	7,4	7,9	
22	2122240191	Nguyễn Trần Ngọc Quỳnh	27/06/2004	CCQ2224F	1		7,5	7,8	7,7	
23	2122240197	Lê Thị Thu Sương	10/06/2004	CCQ2224E	1		9,0	7,6	8,2	
24	2122240177	Nguyễn Thị Lệ Sương	26/01/2004	CCQ2224F	1		7,3	5,2	6,0	
25	2122240148	Hoàng Đặng Thế Tân	01/04/2004	CCQ2224E	1		7,3	7,9	7,7	
26	2122240185	Cao Thị Thanh Thảo	16/07/2004	CCQ2224F	1		6,7	6,9	6,8	
27	2122240204	Huỳnh Thị Kiều Thịnh	12/04/2004	CCQ2224C	1		7,9	4,4	5,8	
28	2122240090	Đặng Trần Anh Thư	24/11/2004	CCQ2224C	1		8,9	7,4	8,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Viết thương mại (22435604)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A404

Số SV có mặt: 40.

Số bài thi:40..

Số tờ giấy thi: 40.

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2120240227	Hoàng Nguyễn Anh	Thư	03/03/2002	CCQ2024G	1		6,8	6,3	6,5
30	2122240173	Hồ Thị Xuân	Thùy	02/10/2004	CCQ2224F	1		6,9	8,0	7,6
31	2122240082	Phạm Thị Huyền	Trâm	16/09/2004	CCQ2224C			5,8		
32	2122240012	Hồ Thị Quế	Trần	25/07/2002	CCQ2224A			0,0		
33	2122240132	Trần Thị Huyền	Trang	15/04/2004	CCQ2224E	1		5,3	5,6	5,5
34	2122240093	Nguyễn Ngọc Phương	Trình	23/06/2004	CCQ2224D	1		6,5	7,1	6,9
35	2122240107	Ông Thị Cẩm	Trúc	05/01/2004	CCQ2224D	1		7,7	7,5	7,6
36	2122240063	Đạo Thanh	Trường	28/01/2004	CCQ2224C	1		7,1	7,2	7,2
37	2122240088	Nguyễn Cẩm	Tú	01/06/2004	CCQ2224C	1		7,1	6,1	6,5
38	2122240073	Lê Thị Ngọc	Tuyền	11/05/2003	CCQ2224C	1		7,1	7,6	7,4
39	2122240054	Nguyễn Trần Thảo	Uyên	02/12/2004	CCQ2224B	1		8,5	7,2	7,7
40	2122240158	Nguyễn Thuý	Vân	27/10/2004	CCQ2224B	1		7,0	5,1	5,9
41	2122240187	Phạm Thị Thùy	Vân	28/10/2004	CCQ2224F	1		9,0	8,7	8,8
42	2122240145	Phạm Yến	Vy	05/10/2003	CCQ2224E	1		8,3	6,9	7,5
43	2122240064	Trương Thị Ngân	Vy	01/02/2003	CCQ2224C	1		4,7	4,1	4,3
44	2122240065	H.	Yến	25/11/2003	CCQ2224C	1		8,6	7,9	8,2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Viết thương mại (22435602)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B102

Số SV có mặt: 26...

Số bài thi: ...26....

Số tờ giấy thi: 26.

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123240067	Lương Thị Thúy	Ái	30/09/2005	CCQ2324C	02		7,9	6,5	7,1	
2	2123240083	Nguyễn Văn	Cường	12/10/2005	CCQ2324C	02		6,0	2,2	3,7	
3	2123240120	Nguyễn Quốc	Đạt	03/07/2003	CCQ2324D	02		9,8	8,6	9,1	
4	2123240077	Võ Minh	Diệt	01/02/2002	CCQ2324C	02		6,5	5,4	5,8	
5	2123240086	Đỗ Thị Thùy	Dương	17/03/2005	CCQ2324C	02		8,0	5,1	8,4	
6	2123240062	Nguyễn Thị Hương	Giang	30/09/2005	CCQ2324C	02		7,0	5,6	6,2	
7	2123240113	Hoàng Thị Hồng	Hà	25/04/2005	CCQ2324D			0,0	CT		
8	2123240106	Quảng Nữ Hồng	Hà	03/03/2003	CCQ2324D	02		7,7	3,2	5,0	
9	2123240098	Lê Thị Mỹ	Hào	05/01/2005	CCQ2324D	02		8,4	2,0	4,7	
10	2123240112	Nguyễn Thị Thuý	Hương	08/05/2005	CCQ2324D	02		8,5	7,3	7,8	
11	2123240070	Trần Đức	Khánh	14/05/2001	CCQ2324C	02		7,2	7,0	7,1	
12	2123240200	Huỳnh Đăng	Khoa	21/01/1998	CCQ2324C	02		8,7	7,2	7,8	
13	2123240143	Nguyễn Đăng	Khôi	24/11/2005	CCQ2324D	02		6,5	3,5	4,7	HL
14	2123240065	Hoàng Nguyễn Ái	Liên	27/05/2005	CCQ2324C	02		7,9	5,9	6,7	
15	2123240104	Nguyễn Thị Kim	Liều	08/05/2005	CCQ2324D	02		6,9	4,0	7,2	
16	2123240076	Đinh Lê Khánh	Linh	30/04/2005	CCQ2324C	02		7,4	6,0	6,6	
17	2123240091	Phan Thị Ngọc	Linh	12/04/2005	CCQ2324C	02		7,8	5,9	6,7	
18	2123240080	Phạm Đào Uyên	Minh	24/08/2005	CCQ2324C	02		6,5	4,1	5,1	
19	2123240096	Trình Nguyễn Thuý	Mỹ	07/10/2003	CCQ2324D	02		9,0	7,8	8,3	
20	2123240075	Nguyễn Thanh	Ngân	15/03/2005	CCQ2324C	02		7,8	6,7	7,1	
21	2123240107	Trần Thị Kim	Ngân	10/02/2004	CCQ2324D	02		6,8	8,6	7,9	
22	2123240097	Trần Tuyết	Ngân	10/01/2003	CCQ2324D	02		7,7	4,7	5,9	
23	2123240099	Trương Thu	Ngân	24/06/2005	CCQ2324D	02		6,8	2,2	4,0	HL
24	2123240082	Tôn Nữ Gia	Nguyễn	01/04/2005	CCQ2324C	02		7,9	4,6	5,9	
25	2123240068	Đặng Thị Yến	Nhi	02/12/2005	CCQ2324C	02		7,6	3,6	5,2	
26	2123240124	Lâm Yến	Nhi	09/09/2001	CCQ2324D	02		8,0	8,7	8,4	
27	2123240084	Nguyễn Tâm	Như	01/07/2005	CCQ2324C	02		7,0	2,9	4,5	HL

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Môn học: Viết thương mại (22435601)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B103

Đ: 24
H: 01

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

C. Trưởng

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123240055	Nguyễn Thị Như Ái	20/10/2005	CCQ2324B	02		8,3	7,5	7,8	
2	2123240035	Nguyễn Trương Ngọc Quỳnh Anh	25/09/2005	CCQ2324B	02		6,4	8,9	7,9	
3	2122240163	Trần Bùi Việt Anh	23/01/2004	CCQ2224E	02		4,0	7,0	5,8	
4	2123240007	Phạm Thị Ngọc Ánh	27/09/2003	CCQ2324A	02		7,4	6,5	6,9	
5	2123240026	Hứa Thị Bích	07/03/1999	CCQ2324A	02		9,0	8,1	8,5	
6	2122240134	Nguyễn Thị Ngọc Bích	06/12/1997	CCQ2224E	02		8,5	7,6	8,0	
7	2123240052	Huỳnh Ngọc Minh Châu	02/10/2005	CCQ2324B	02		5,8	8,6	7,5	
8	2123240021	Phan Hoàng Châu	11/05/2004	CCQ2324A	02		4,6	7,8	6,5	
9	2123240009	Bá Thị Mỹ Dáng	16/08/2000	CCQ2324A	02		9,7	9,0	9,3	
10	2123240191	Nguyễn Thành Đạt	31/12/2004	CCQ2324A			0,0	CT	0,00	
11	2121240061	Nguyễn Ngọc Diễm	09/11/2002	CCQ2124C			3,5		1,4	
12	2123240025	Nguyễn Huỳnh Đức	25/09/2005	CCQ2324A	02		7,7	7,0	7,3	
13	2123240194	Trần Thùy Dung	04/10/2005	CCQ2324B	02		8,2	9,1	8,7	
14	2121110047	Dương Nguyễn Anh Dũng	22/09/2003	CCQ2124F	02		6,4	8,8	7,8	
15	2123240033	Ngô Huỳnh Phương Duy	17/09/2005	CCQ2324B	02		6,8	7,0	6,9	
16	2123240002	Trần Thị Trúc Hà	18/07/1995	CCQ2324A	02		9,2	8,3	8,7	
17	2123240048	Mai Trịnh Mỹ Hằng	30/04/2005	CCQ2324B	02		5,0	3,2	3,9	
18	2123240027	Đoàn Khắc Huy	26/10/2005	CCQ2324A	02		7,4	5,7	6,4	
19	2123240020	Phan Minh Huy	10/01/2004	CCQ2324A	02		6,7	7,1	6,9	
20	2123240161	Giáp Thị Thanh Huyền	06/12/2005	CCQ2324B	02		9,4	8,7	9,0	
21	2123240008	Đặng Ngọc Khải	04/12/2004	CCQ2324A	02		5,1	5,9	5,6	
22	2123240011	Trần Khánh Minh	18/05/2002	CCQ2324A	02		7,6	6,5	6,9	
23	2123240001	Bùi Trà My	12/10/2003	CCQ2324A	02		9,5	8,3	8,8	
24	2123240003	Châu Kim Ngân	26/03/2003	CCQ2324A	02		9,5	8,3	8,8	
25	2123240056	Phạm Thị Kim Ngân	29/03/2005	CCQ2324B	02		6,9	8,1	7,6	
26	2123240014	Trần Thị Kim Ngân	28/08/2005	CCQ2324A	02		8,9	8,9	8,9	
27	2123240040	Nguyễn Kim Ngọc	07/11/2005	CCQ2324B	02		9,0	9,0	9,0	

21

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Viết thương mại (22435601)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B104

Đ: 23
H: 01
Số SV có mặt: 24
Số bài thi: 24
Số tờ giấy thi: 24

C. Hoàng
T. V. Minh
C. Trần Thị Ái
Th. Ái

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123240030	Nguyễn Ngọc Phương	Nguyên	02/11/2005	CCQ2324A	2	Trang	6,6	5,3	5,8
2	2123240013	Hà Thị Ánh	Nguyệt	24/02/2003	CCQ2324A	2	Ánh	9,2	8,8	9,0
3	2123240045	Danh Hữu	Nhân	24/05/2005	CCQ2324B	2	Nhân	10,0	9,1	9,5
4	2123240005	Huỳnh Lương Khánh	Nhi	07/06/2003	CCQ2324A	2	Nhi	9,5	9,2	9,3
5	2123240031	Lý Thị Bích	Nhi	27/07/2005	CCQ2324B	2	Bích	5,5	6,3	6,0
6	2123240004	Nguyễn Thị Yến	Nhi	24/11/2003	CCQ2324A	2	Yến	8,6	5,4	6,7
7	2123240127	Nguyễn Hoàng Thục	Nhiên	21/04/2005	CCQ2324A			2,6		1,0
8	2123240032	Lê Thị Tố	Như	10/07/2005	CCQ2324B	2	Tố	9,9	8,3	8,9
9	2123240037	Hà Thị Thuý	Tân	25/07/2005	CCQ2324B	2	Thuý	7,7	8,2	8,0
10	2123240006	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	14/09/2003	CCQ2324A	2	Hồng	10,0	9,4	9,6
11	2123240046	Nguyễn Hữu	Thành	25/01/2005	CCQ2324B	2	Thành	6,5	8,3	7,6
12	2123240024	Lê Vũ Phương	Thảo	20/10/2005	CCQ2324A	2	Phương	8,9	8,0	8,4
13	2123240012	Nguyễn Thị Ngọc	Thi	22/02/2004	CCQ2324A	2	Ngọc	10,0	9,2	9,5
14	2123240050	Võ Ngọc Anh	Thi	13/11/2005	CCQ2324B	2	Anh	6,4	6,0	6,2
15	2123240017	Hà Minh	Thư	02/02/2005	CCQ2324A	2	Minh	8,5	7,5	7,9
16	2123240018	Huỳnh Thị Anh	Thư	29/10/2005	CCQ2324A	2	Anh	6,6	7,1	6,9
17	2123240047	Lê Thị Hoài	Thương	28/07/2005	CCQ2324B	2	Hoài	6,4	6,8	6,6
18	2123240019	Vũ Thị	Thương	01/12/2005	CCQ2324A	2	Thị	5,3	5,6	5,5
19	2123240053	Huỳnh Thị Thu	Thúy	30/08/2005	CCQ2324B	2	Thu	6,0	7,2	6,7
20	2123240051	Nguyễn Thị Chung	Thúy	10/10/2005	CCQ2324B	2	Chung	4,7	4,1	4,3
21	2123240054	Phạm Thị Thùy	Trang	20/09/2005	CCQ2324B	2	Thùy	6,0	6,3	6,2
22	2121240089	Mai Minh	Trí	01/05/2003	CCQ2124C	2	Minh	8,7	8,1	8,3
23	2123240034	Nguyễn Bảo	Trung	10/01/2004	CCQ2324B			0,0	CT	0,00
24	2123240058	Nguyễn Vũ	Trưởng	30/04/1999	CCQ2324B			2,0		1,2
25	2123240036	Hồ Lê Mỹ	Uyên	09/05/2005	CCQ2324B	2	Mỹ	7,4	5,3	6,1
26	2123240049	Đoàn Thị Bích	Vân	19/03/2005	CCQ2324B	2	Bích	7,6	5,7	6,5
27	2123240028	Trương Thị Hà	Vy	14/10/2005	CCQ2324A	2	Hà	6,8	5,6	6,1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

A: 16
H: 8

C. Hề

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Viết thương mại (22435602)

Ngày thi: 11/11/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B105

Số SV có mặt: 26... Đặng Văn Sơn

Số bài thi: ... Lê Thị Diệp

Số tờ giấy thi: 26... Trần, A. Hồng

Phường Tô Hỷ

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123240069	Nguyễn Thị Bích	Như	28/10/2005	CCQ2324C	02	Như	9,0	9,3	9,2
2	2123240085	Phan Thị Huỳnh	Như	19/04/2005	CCQ2324C	02	Huỳnh	6,5	2,0	3,8 HL
3	2123240089	Nguyễn Ngọc Trinh	Nữ	28/01/2005	CCQ2324C	02	Trinh	7,9	5,0	6,2 (5,0)
4	2123240081	Vũ Thị Anh	Phương	29/08/2005	CCQ2324C	02	Phương	6,1	5,9	6,0
5	2123240095	Huỳnh Thanh	Quang	01/11/2004	CCQ2324D	02	Quang	7,6	4,5	5,7
6	2123240115	Lưu Thị	Quỳnh	20/09/2002	CCQ2324D	02	Quỳnh	9,0	5,7	7,0
7	2123240122	Trần Văn	Sáng	28/11/2005	CCQ2324D	12	Sáng	7,9	7,6	7,7
8	2123240093	Lý Thị	Sua	18/06/2004	CCQ2324D	02	Sua	7,5	4,8	5,6
9	2123240105	Lê Đình Thái	Tài	13/07/2003	CCQ2324D	02	Tài	5,0	5,5	5,3
10	2123240094	Trần Nguyễn Nhật	Tân	24/09/2004	CCQ2324D	02	Trần	6,5	6,7	6,6
11	2123240121	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	26/11/2004	CCQ2324D	02	Thư	9,9	8,2	8,9
12	2123240109	Nguyễn Thu	Thủy	04/04/2005	CCQ2324D	02	Thủy	7,8	7,3	7,5
13	2123240118	Lê Minh	Tiếng	16/09/2004	CCQ2324D	02	Minh	6,1	5,0	5,4
14	2123240074	Nguyễn Quỳnh Lan	Trâm	25/02/2005	CCQ2324C	02	Trâm	6,0	2,8	4,1 HL
15	2123240102	Đặng Huỳnh Bảo	Trần	29/04/2005	CCQ2324D	02	Trần	6,0	3,2	4,3 HL
16	2123240090	Đặng Thị Thu	Trần	18/06/2005	CCQ2324C	02	Thu	7,1	3,3	4,8 HL
17	2123240066	Phạm Thị Thùy	Trang	17/08/2005	CCQ2324C	02	Trang	6,5	2,0	3,8 HL
18	2123240088	Trần Nguyễn Kiều	Trinh	25/06/2005	CCQ2324C	02	Trinh	6,5	2,0	3,8 HL
19	2123240197	Trần Văn	Trung	22/09/2005	CCQ2324D	02	Trung	6,9	7,0	7,0
20	2123240064	Nguyễn Huỳnh Đình	Uy	09/11/2005	CCQ2324C	02	Uy	6,5	7,0	6,8
21	2123240061	Võ Thị Lâm Thủy	Vân	03/07/2005	CCQ2324C	12	Thủy	7,5	7,3	7,4
22	2123240073	Nguyễn Thị Cẩm	Vi	06/07/2005	CCQ2324C	02	Cẩm	7,6	4,9	6,0
23	2123240078	Lê Trần Quốc	Việt	17/05/2004	CCQ2324C			0,0	CT	
24	2123240063	Đổng Quang	Vinh	24/01/2005	CCQ2324C	02	Quang	7,8	6,2	6,8
25	2123240103	Nguyễn Phong	Vinh	23/03/2004	CCQ2324D	02	Phong	6,8	2,7	4,3 HL
26	2123240100	Trần Hiền	Vy	19/05/2005	CCQ2324D	02	Vy	4,5	4,2	4,3 HL
27	2123240116	Dương Thị Như	Ý	04/10/2005	CCQ2324C	02	Ý	8,0	5,0	6,2